SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐĂK LĂK

TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2

Năm học: 2020-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thời gian kiểm tra: 13h30, ngày 28/04/2021 (Tuần 32)

DANH SÁCH HỌC SINH TRONG PHÒNG KIỂM TRA KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH

Phòng: 009 đến 038

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
1	110001	Nguyễn Văn An	27/04/2004	Nam	11C07	009	
2	110002	Trần Thiên An	29/11/2004	Nữ	11C01	009	
3	110003	Bùi Thụy Song Anh	29/03/2004	Nam	11C01	009	
4	110004	Hồ Đình Anh	20/03/2004	Nam	11C04	009	
5	110005	Lê Ngọc Anh	09/04/2004	Nữ	11C11	009	
6	110006	Lê Văn Anh	12/12/2004	Nam	11C11	009	
7	110007	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	13/03/2004	Nam	11C05	009	
8	110008	Nguyễn Quang Anh	01/06/2004	Nam	11C07	009	
9	110009	Nguyễn Thị Lan Anh	02/12/2003	Nữ	11C05	009	
10	110010	Nguyễn Thị Lan Anh	10/06/2004	Nữ	11C01	009	
11	110011	Nguyễn Thị Mai Anh	25/07/2004	Nữ	11C03	009	
12	110012	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15/10/2004	Nữ	11C14	009	
13	110013	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/10/2004	Nữ	11C07	009	
14	110014	Phạm Hoàng Anh	20/11/2004	Nam	11C11	009	
15	110015	Phạm Hoàng Kỳ Anh	27/01/2004	Nam	11C10	009	
16	110016	Phạm Trương Diệu Anh	26/01/2004	Nữ	11C09	009	
17	110017	Phạm Việt Anh	06/02/2004	Nam	11C14	009	
18	110018	Trần Thị Tú Anh	01/03/2004	Nữ	11C08	009	
19	110019	Trần Thị Vân Anh	10/02/2004	Nữ	11C08	009	
20	110020	Vũ Thị Ngọc Anh	14/08/2004	Nữ	11C11	009	
21	110021	Đặng Thị Ngọc Ánh	01/08/2004	Nữ	11C02	009	
22	110022	Đinh Thị Ngọc Ánh	05/10/2004	Nữ	11C06	009	
23	110023	Lý Thị Ngọc Ánh	21/10/2004	Nữ	11C02	009	
24	110024	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/09/2004	Nữ	11C04	009	
25	110025	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/08/2004	Nữ	11C06	009	
26	110026	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/04/2004	Nữ	11C03	009	
27	110027	Trần Thị Ba	20/02/2004	Nữ	11C10	009	
28	110028	Nguyễn Trần Quý Bang	29/09/2004	Nam	11C06	009	
29	110029	Nguyễn Hữu Thái Bảo	01/10/2004	Nam	11C08	009	
30	110030	Phan Minh Gia Bảo	20/04/2004	Nam	11C08	009	
31	110031	Phan Xuân Bảo	18/10/2004	Nam	11C02	009	
32	110032	Trần Huy Biên	24/10/2004	Nam	11C07	009	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
33	110033	Dương Thanh Bình	15/11/2004	Nam	11C02	009	
34	110034	Hoàng Thị Bình	26/02/2004	Nữ	11C05	009	
35	110035	Mai Thanh Bình	28/04/2004	Nam	11C08	009	
36	110036	Tôn Thất Bình	13/11/2004	Nam	11C11	009	
37	110037	Y Blañ Niê	31/07/2004	Nam	11C12	013	
38	110038	H Buôi Niê	30/09/2003	Nữ	11C01	013	
39	110039	Đào Thị Huệ Cầm	02/05/2004	Nữ	11C01	013	
40	110040	Nguyễn Thị Bảo Châm	24/10/2004	Nữ	11C01	013	
41	110041	Lê Nguyễn Bảo Chân	12/02/2004	Nữ	11C02	013	
42	110042	Nguyễn Hà Châu	01/01/2004	Nữ	11C08	013	
43	110043	Nguyễn Phan Thanh Châu	14/04/2004	Nữ	11C11	013	
44	110044	Võ Thị Hoàng Châu	07/01/2004	Nữ	11C08	013	
45	110045	Phạm Hà Phương Chi	23/09/2004	Nữ	11C07	013	
46	110046	Phạm Thị Linh Chi	22/09/2004	Nữ	11C13	013	
47	110047	Trần Thị Chi	26/10/2004	Nữ	11C05	013	
48	110048	Vũ Công Chiến	15/11/2004	Nam	11C02	013	
49	110049	Đỗ Văn Chương	21/06/2004	Nam	11C06	013	
50	110050	Nguyễn Thành Công	11/08/2004	Nam	11C05	013	
51	110051	Nguyễn Huy Cường	04/03/2004	Nam	11C02	013	
52	110052	Phạm Lê Việt Cường	27/10/2004	Nam	11C09	013	
53	110053	H Dêm Niê	31/03/2004	Nữ	11C04	013	
54	110054	H Dina Niê	27/04/2003	Nữ	11C13	013	
55	110055	H Dinh Niê	05/05/2004	Nữ	11C05	013	
56	110056	Hà Nhữ Thị Vân Dung	25/04/2004	Nữ	11C10	013	
57	110057	Nguyễn Thị Phương Dung	13/06/2004	Nữ	11C09	013	
58	110058	Nguyễn Thị Thanh Dung	30/10/2004	Nữ	11C02	013	
59	110059	Lê Quang Duy	26/01/2004	Nam	11C05	013	
60	110060	Nguyễn Anh Duy	21/10/2004	Nam	11C07	013	
61	110061	Phạm Quang Duy	07/09/2004	Nam	11C07	013	
62	110062	Đặng Thị Hồng Duyên	08/01/2004	Nữ	11C01	013	
63	110063	Nguyễn Minh Dũng	24/09/2004	Nam	11C13	013	
64	110064	Nguyễn Ngọc Dũng	04/01/2004	Nam	11C12	013	
65	110065	Nguyễn Phan Tiến Dũng	01/09/2004	Nam	11C06	013	
66	110066	Nguyễn Trọng Tấn Dũng	10/11/2004	Nam	11C07	013	
67	110067	Phạm Dương Hoàng Dũng	16/06/2004	Nam	11C14	013	
68	110068	Huỳnh Tân Dương	07/07/2004	Nam	11C08	013	
69	110069	Lê Hải Dương	26/02/2004	Nam	11C10	013	
70	110070	Nguyễn Hoàng Sĩ Dương	24/01/2004	Nam	11C05	013	
71	110071	Nguyễn Thế Mạnh Dương	14/10/2004	Nam	11C04	013	
72	110072	Nguyễn Văn Dương	21/06/2004	Nam	11C01	013	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
73	110073	Nông Thị Thùy Dương	04/11/2004	Nữ	11C01	016	
74	110074	Phạm Quốc Dương	14/03/2004	Nam	11C01	016	
75	110075	Vương Thị Thái Dương	07/10/2004	Nữ	11C03	016	
76	110076	Nguyễn Khánh Đan	18/01/2004	Nữ	11C07	016	
77	110077	Bùi Văn Đạt	22/12/2004	Nam	11C07	016	
78	110078	Hoàng Quốc Đạt	02/09/2004	Nam	11C03	016	
79	110079	Nguyễn Công Đạt	04/07/2004	Nam	11C06	016	
80	110080	Nguyễn Tấn Đạt	09/08/2004	Nam	11C13	016	
81	110081	Phạm Thành Đạt	14/02/2004	Nam	11C08	016	
82	110082	Phạm Quang Đắc	13/05/2004	Nam	11C06	016	
83	110083	Nguyễn Công Định	04/09/2004	Nam	11C11	016	
84	110084	Lý Thị Đoan	28/04/2004	Nữ	11C06	016	
85	110085	Bùi Anh Đức	08/11/2004	Nam	11C07	016	
86	110086	Nguyễn Ngọc Hồng Đức	22/07/2004	Nữ	11C04	016	
87	110087	Nguyễn Văn Đức	06/05/2004	Nam	11C14	016	
88	110088	Phạm Hữu Đức	04/01/2004	Nam	11C13	016	
89	110089	Phạm Quang Đức	10/07/2004	Nam	11C06	016	
90	110090	H En Yi Niê	25/06/2004	Nữ	11C12	016	
91	110091	Chu Thị Hương Giang	26/12/2004	Nữ	11C06	016	
92	110092	Nguyễn Thị Thu Giang	02/02/2004	Nữ	11C12	016	
93	110093	Vũ Trà Giang	16/12/2004	Nữ	11C03	016	
94	110094	Trịnh Minh Giáp	15/04/2004	Nam	11C08	016	
95	110095	Đinh Thị Hà	06/01/2004	Nữ	11C14	016	
96	110096	Ngô Thanh Hà	24/09/2004	Nữ	11C01	016	
97	110097	Nguyễn Thị Ngọc Hà	09/07/2004	Nữ	11C12	016	
98	110098	Trần Thị Thu Hà	05/02/2004	Nữ	11C10	016	
99	110099	Vũ Thị Hà	12/10/2003	Nữ	11C14	016	
100	110100	Nguyễn Thúy Hải	14/08/2004	Nữ	11C07	016	
101	110101	Lê Thị Hồng Hạnh	23/09/2004	Nữ	11C04	016	
102	110102	Nguyễn Tiến Hạnh	08/09/2004	Nam	11C08	016	
103	110103	Trần Thị Hồng Hạnh	02/09/2004	Nữ	11C08	016	
104	110104	Trần Văn Hân	06/11/2004	Nam	11C10	016	
105	110105	Võ Thái Gia Hân	28/11/2004	Nữ	11C03	016	
106	110106	Vũ Thị Kim Hiên	25/11/2004	Nữ	11C01	016	
107	110107	Hà Thị Thanh Hiền	20/08/2004	Nữ	11C10	016	
108	110108	Lê Thị Thu Hiền	08/11/2004	Nữ	11C13	016	
109	110109	Phạm Thị Thu Hiền	06/01/2004	Nữ	11C08	017	
110	110110	Trần Thu Hiền	29/01/2004	Nữ	11C04	017	
111	110111	Đỗ Ngô Trung Hiếu	01/02/2004	Nam	11C14	017	
112	110112	Lê Đắc Hiếu	22/02/2004	Nam	11C08	017	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
113	110113	Nguyễn Đăng Hiếu	16/02/2004	Nam	11C04	017	
114	110114	Nguyễn Đức Hiếu	21/04/2003	Nam	11C09	017	
115	110115	Nguyễn Ngọc Hiếu	24/03/2004	Nam	11C12	017	
116	110116	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	12/03/2004	Nữ	11C07	017	
117	110117	Phạm Quang Hiếu	14/08/2004	Nam	11C01	017	
118	110118	Trần Nguyễn Minh Hiếu	09/10/2004	Nam	11C05	017	
119	110119	Hoàng Thế Hiển	16/10/2004	Nam	11C07	017	
120	110120	Lê Văn Hiệp	14/03/2004	Nam	11C13	017	
121	110121	Phạm Văn Hiệp	19/02/2003	Nam	11C11	017	
122	110122	Nguyễn Văn Hinh	09/08/2004	Nam	11C09	017	
123	110123	Hoàng Thị Thanh Hoa	23/05/2004	Nữ	11C01	017	
124	110124	Hồ Phương Hoa	09/12/2004	Nữ	11C03	017	
125	110125	Lâm Bảo Hoa	13/03/2004	Nữ	11C08	017	
126	110126	Trương Thị Hoài	30/12/2004	Nữ	11C14	017	
127	110127	Bùi Trọng Hoàn	27/08/2004	Nam	11C13	017	
128	110128	Lê Thị Hoàn	05/07/2003	Nữ	11C12	017	
129	110129	Bùi Văn Hoàng	17/09/2004	Nam	11C01	017	
130	110130	Đào Minh Hoàng	15/08/2004	Nam	11C05	017	
131	110131	Lê Nam Hoàng	01/01/2004	Nam	11C07	017	
132	110132	Nguyễn Hải Hoàng	13/09/2004	Nam	11C03	017	
133	110133	Nguyễn Minh Hoàng	02/01/2004	Nam	11C09	017	
134	110134	Phạm Văn Hoàng	03/02/2004	Nam	11C13	017	
135	110135	Võ Thái Hoàng	19/08/2004	Nam	11C08	017	
136	110136	Đầu Thị Khánh Hòa	16/10/2004	Nữ	11C01	017	
137	110137	Đinh Xuân Hòa	10/02/2004	Nam	11C10	017	
138	110138	Đồng Đặng Hòa	28/01/2004	Nữ	11C07	017	
139	110139	Phạm Ánh Hồng	18/03/2004	Nữ	11C01	017	
140	110140	Lê Hạ Hữu Hợp	20/01/2004	Nam	11C02	017	
141	110141	Lữ Thị Huệ	08/10/2004	Nữ	11C06	017	
142	110142	Trương Thị Thu Huệ	23/10/2004	Nữ	11C11	017	
143	110143	Đào Quang Huy	07/12/2004	Nam	11C02	017	
144	110144	Đào Văn Huy	04/09/2004	Nam	11C14	017	
145	110145	Hà Nhất Huy	22/04/2004	Nam	11C11	021	
146	110146	Nông Văn Huy	15/11/2002	Nam	11C13	021	
147	110147	Thái Quốc Huy	22/11/2004	Nam	11C07	021	
148	110148	Trần Quốc Huy	24/02/2004	Nam	11C06	021	
149	110149	Vũ Nhất Huy	08/07/2004	Nam	11C05	021	
150	110150	Bùi Thị Thu Huyền	13/04/2004	Nữ	11C13	021	
151	110151	Đặng Thị Thanh Huyền	26/03/2004	Nữ	11C02	021	
152	110152	Đinh Thị Minh Huyền	24/06/2004	Nữ	11C12	021	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
153	110153	Lại Thị Bích Huyền	24/09/2004	Nữ	11C04	021	
154	110154	Lê Thị Khánh Huyền	08/01/2004	Nữ	11C10	021	
155	110155	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/01/2004	Nữ	11C01	021	
156	110156	Nguyễn Thị Thu Huyền	25/02/2004	Nữ	11C11	021	
157	110157	Phan Thị Thanh Huyền	22/12/2004	Nữ	11C05	021	
158	110158	Phạm Lê Thị Khánh Huyền	02/02/2004	Nữ	11C08	021	
159	110159	Vi Nhật Huyền	17/03/2004	Nữ	11C12	021	
160	110160	Võ Thị Khánh Huyền	09/07/2004	Nữ	11C10	021	
161	110161	Vũ Thị Huyền	10/06/2004	Nữ	11C02	021	
162	110162	Đào Xuân Hùng	07/12/2003	Nam	11C10	021	
163	110163	Hồ Thanh Hùng	23/05/2004	Nam	11C02	021	
164	110164	Huỳnh Lê Quốc Hùng	18/06/2003	Nam	11C09	021	
165	110165	Nguyễn Quốc Hùng	16/06/2004	Nam	11C06	021	
166	110166	Nguyễn Thế Hùng	16/10/2004	Nam	11C12	021	
167	110167	Nguyễn Hải Hưng	25/02/2004	Nam	11C11	021	
168	110168	Nguyễn Trọng Đại Hưng	04/07/2004	Nam	11C02	021	
169	110169	Đào Thu Hương	12/01/2004	Nữ	11C08	021	
170	110170	Lý Thị Quỳnh Hương	03/12/2004	Nữ	11C05	021	
171	110171	Nguyễn Thị Mai Hương	08/01/2004	Nữ	11C08	021	
172	110172	Vũ Thị Mai Hương	25/05/2004	Nữ	11C01	021	
173	110173	H Ka Rê Mlô	28/07/2004	Nữ	11C03	021	
174	110174	An Văn Kết	14/02/2004	Nam	11C14	021	
175	110175	Phan Hữu Khánh	26/08/2004	Nam	11C02	021	
176	110176	Trần Trọng Khánh	20/09/2004	Nam	11C09	021	
177	110177	Trần Quang Khải	18/10/2004	Nam	11C05	021	
178	110178	Vũ Anh Khoa	20/08/2004	Nam	11C08	021	
179	110179	Nguyễn Tấn Kiệt	14/06/2004	Nam	11C01	021	
180	110180	Trần Trung Kiệt	18/04/2004	Nam	11C09	021	
181	110181	Trần Văn Kiệt	10/12/2003	Nam	11C14	024	
182	110182	Bế Thị Lan	09/04/2004	Nữ	11C13	024	
183	110183	Trần Thị Lan	05/01/2004	Nữ	11C06	024	
184	110184	Hồ Nhật Trúc Lâm	18/01/2004	Nữ	11C12	024	
185	110185	Lê Na Byă	11/02/2004	Nữ	11C03	024	
186	110186	Đào Thị Mỹ Lệ	07/01/2004	Nữ	11C13	024	
187	110187	Đỗ Thị Mỹ Lệ	08/02/2004	Nữ	11C12	024	
188	110188	Hoàng Phùng Mỹ Lệ	10/09/2004	Nữ	11C12	024	
189	110189	Bùi Thị Thùy Linh	25/08/2004	Nữ	11C12	024	
190	110190	Cao Nguyễn Thùy Linh	07/06/2004	Nữ	11C10	024	
191	110191	Hoàng Thị Phương Linh	11/04/2004	Nữ	11C14	024	
192	110192	Nguyễn Hoàng Linh	11/03/2004	Nữ	11C12	024	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
193	110193	Nguyễn Thị Khánh Linh	04/04/2004	Nữ	11C05	024	
194	110194	Phạm Khánh Linh	06/08/2004	Nữ	11C01	024	
195	110195	Trần Khánh Linh	07/03/2004	Nữ	11C07	024	
196	110196	Trần Thị Mỹ Linh	09/07/2004	Nữ	11C09	024	
197	110197	Lê Thị Thùy Linh_A	05/07/2004	Nữ	11C13	024	
198	110198	Lê Thị Thùy Linh_B	08/03/2004	Nữ	11C13	024	
199	110199	Trần Nguyễn Phi Long	07/07/2004	Nam	11C08	024	
200	110200	Phạm Đình Lộc	04/11/2004	Nam	11C12	024	
201	110201	Phan Gia Lợi	09/06/2004	Nam	11C04	024	
202	110202	H Luyn Mlô	27/11/2004	Nữ	11C05	024	
203	110203	Nguyễn Thị Huyền Lương	21/04/2004	Nữ	11C05	024	
204	110204	Nguyễn Thị Vân Ly	03/03/2004	Nữ	11C13	024	
205	110205	Đỗ Thị Hoàng Mai	15/02/2004	Nữ	11C07	024	
206	110206	Hà Thị Phương Mai	16/10/2004	Nữ	11C05	024	
207	110207	Vũ Thị Mai	08/05/2004	Nữ	11C02	024	
208	110208	Đoàn Đình Mạnh	01/04/2004	Nam	11C04	024	
209	110209	Nguyễn Đức Mạnh	11/03/2004	Nam	11C08	024	
210	110210	Phạm Anh Mạnh	04/10/2004	Nam	11C08	024	
211	110211	H Măch Niê Kdăm	10/10/2004	Nữ	11C06	024	
212	110212	Nông Hồng Mến	01/08/2004	Nữ	11C02	024	
213	110213	H Mil Byă	03/01/2004	Nữ	11C13	024	
214	110214	Đỗ Ngọc Minh	19/07/2004	Nữ	11C08	024	
215	110215	Nguyễn Bình Minh	05/05/2004	Nữ	11C08	024	
216	110216	Nguyễn Văn Minh	20/07/2004	Nam	11C02	024	
217	110217	Trương Quang Minh	08/02/2004	Nam	11C07	025	
218	110218	H Moan Krông	28/03/2004	Nữ	11C12	025	
219	110219	Đỗ Thị Họa My	22/10/2004	Nữ	11C09	025	
220	110220	Hồ Ngọc Trà My	04/02/2004	Nữ	11C05	025	
221	110221	Ngô Thị Diễm My	17/11/2004	Nữ	11C04	025	
222	110222	Nguyễn Thị My	15/04/2004	Nữ	11C10	025	
223	110223	Nguyễn Hoài Nam	13/08/2004	Nam	11C14	025	
224	110224	Nguyễn Huy Nam	11/07/2004	Nam	11C04	025	
225	110225	Phạm Thành Nam	12/08/2003	Nam	11C11	025	
226	110226	Bùi Thị Nga	06/01/2004	Nữ	11C14	025	
227	110227	Vũ Thị Nga	08/04/2004	Nữ	11C07	025	
228	110228	Đặng Thị Kim Ngân	14/12/2004	Nữ	11C03	025	
229	110229	Hoàng Thị Thúy Ngân	24/07/2004	Nữ	11C10	025	
230	110230	Phạm Thị Kim Ngân	03/03/2004	Nữ	11C04	025	
231	110231	Nguyễn Đình Nghĩa	11/02/2004	Nam	11C02	025	
232	110232	Dư Thị Hoàng Ngọc	06/03/2004	Nữ	11C06	025	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
233	110233	Hoàng Thị Minh Ngọc	10/05/2004	Nữ	11C02	025	
234	110234	Hoàng Trọng Bảo Ngọc	01/01/2004	Nữ	11C08	025	
235	110235	Lê Văn Ngọc	15/11/2004	Nam	11C04	025	
236	110236	Lương Bảo Ngọc	26/08/2004	Nam	11C09	025	
237	110237	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	24/04/2004	Nữ	11C07	025	
238	110238	Nguyễn Phương Ngọc	14/01/2004	Nam	11C08	025	
239	110239	Nguyễn Thị Như Ngọc	10/01/2004	Nữ	11C02	025	
240	110240	Trần Thị Ngọc	22/07/2004	Nữ	11C05	025	
241	110241	Trần Yến Ngọc	20/12/2004	Nữ	11C06	025	
242	110242	Đặng Đình Nguyên	07/09/2004	Nam	11C08	025	
243	110243	Hà Trọng Nguyên	27/12/2004	Nam	11C06	025	
244	110244	Ngô Văn Nguyên	15/01/2004	Nam	11C03	025	
245	110245	Nguyễn Đặng Phương Nguyên	13/10/2004	Nữ	11C07	025	
246	110246	Nguyễn Trần Trúc Nguyên	19/03/2004	Nữ	11C09	025	
247	110247	Phạm Trung Nguyên	23/08/2004	Nam	11C01	025	
248	110248	Lê Thị Ánh Nguyệt	20/12/2004	Nữ	11C05	025	
249	110249	Nguyễn Thị Nguyệt	22/08/2004	Nữ	11C01	025	
250	110250	Trần Thị Minh Nguyệt	09/01/2004	Nữ	11C12	025	
251	110251	Phan Thị Thanh Nhàn	13/02/2004	Nữ	11C03	025	
252	110252	Lê Hữu Nhân	09/12/2004	Nam	11C05	027	
253	110253	Nguyễn Ngô Hoàng Nhân	27/03/2004	Nam	11C07	027	
254	110254	Đào Hoàng Nhất	11/11/2004	Nam	11C01	027	
255	110255	Nguyễn Minh Nhật	25/08/2004	Nam	11C06	027	
256	110256	Đinh Ngọc Yến Nhi	04/11/2004	Nữ	11C07	027	
257	110257	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	23/06/2004	Nữ	11C09	027	
258	110258	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/04/2004	Nữ	11C05	027	
259	110259	Trần Thị Yến Nhi	13/07/2004	Nữ	11C07	027	
260	110260	Trần Đăng Nhớ	29/08/2003	Nam	11C09	027	
261	110261	Đinh Thị Thanh Nhung	13/09/2004	Nữ	11C05	027	
262	110262	Hoàng Thị Cẩm Nhung	19/07/2004	Nữ	11C07	027	
263	110263	Nguyễn Hồng Nhung	28/06/2004	Nữ	11C06	027	
264	110264	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/03/2004	Nữ	11C11	027	
265	110265	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/12/2004	Nữ	11C14	027	
266	110266	Trần Thị Nhung	06/02/2003	Nữ	11C10	027	
267	110267	Lăng Nguyễn Quỳnh Như	01/10/2004	Nữ	11C01	027	
268	110268	Lê Thị Quỳnh Như	17/03/2004	Nữ	11C12	027	
269	110269	H Nuin Niê	19/06/2003	Nữ	11C03	027	
270	110270	Hoàng Thị Kim Oanh	27/04/2004	Nữ	11C03	027	
271	110271	Phạm Kim Oanh	27/09/2004	Nữ	11C11	027	
272	110272	Đinh Lê Nguyên Phát	15/11/2004	Nam	11C09	027	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
273	110273	Thái Viết Phát	07/03/2004	Nam	11C01	027	
274	110274	Trần Đình Phát	01/05/2004	Nam	11C13	027	
275	110275	Đỗ Hoàng Phong	19/08/2003	Nam	11C09	027	
276	110276	Y Phong Mlô	08/11/2004	Nam	11C11	027	
277	110277	Nguyễn Đặng Trường Phong	28/02/2004	Nam	11C05	027	
278	110278	Nguyễn Quốc Phong	14/07/2004	Nam	11C06	027	
279	110279	Nguyễn Tùng Phong	09/06/2003	Nam	11C09	027	
280	110280	Trần Nguyễn Phong	17/04/2004	Nam	11C03	027	
281	110281	Đào Quang Phúc	27/09/2004	Nam	11C04	027	
282	110282	Đỗ Quang Phúc	15/02/2004	Nam	11C01	027	
283	110283	Nguyễn Hồng Phúc	03/01/2004	Nam	11C06	027	
284	110284	Nguyễn Ngọc Phúc	06/11/2004	Nam	11C14	027	
285	110285	Phạm Xuân Phúc	02/07/2004	Nam	11C01	027	
286	110286	Nguyễn Trần Kim Phụng	20/10/2004	Nữ	11C09	027	
287	110287	Huỳnh Lê Thu Phương	19/09/2004	Nữ	11C04	030	
288	110288	Lê Đình Minh Phương	20/01/2004	Nam	11C12	030	
289	110289	Lê Thị Mai Phương	01/02/2004	Nữ	11C14	030	
290	110290	Nguyễn Bích Phương	03/09/2004	Nữ	11C02	030	
291	110291	Nguyễn Hoàng Phương	14/04/2004	Nam	11C08	030	
292	110292	Hoàng Thuận Phước	04/02/2004	Nam	11C09	030	
293	110293	Nguyễn Đình Xuân Phước	05/02/2004	Nam	11C04	030	
294	110294	Tạ Vĩnh Phước	24/01/2004	Nam	11C02	030	
295	110295	Bùi Thị Mai Phượng	06/11/2004	Nữ	11C02	030	
296	110296	Trần Ngọc Bích Phượng	18/05/2004	Nữ	11C10	030	
297	110297	Lê Phú Quang	18/08/2004	Nam	11C03	030	
298	110298	Lê Vinh Quang	18/07/2004	Nam	11C05	030	
299	110299	Nguyễn Minh Quang	20/12/2002	Nam	11C10	030	
300	110300	Bùi Lê Anh Quân	18/07/2004	Nam	11C08	030	
301	110301	Phan Thị Tường Quí	11/08/2004	Nữ	11C02	030	
302	110302	Vũ Huỳnh Quí	10/06/2004	Nam	11C02	030	
303	110303	Lại Văn Quyền	02/01/2004	Nam	11C04	030	
304	110304	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	24/01/2004	Nữ	11C10	030	
305	110305	Lê Thị Tiểu Quỳnh	02/08/2004	Nữ	11C02	030	
306	110306	Lưu Thị Diễm Quỳnh	30/07/2004	Nữ	11C07	030	
307	110307	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	12/08/2004	Nữ	11C06	030	
308	110308	Nguyễn Thị Diệu Quỳnh	13/06/2004	Nữ	11C01	030	
309	110309	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/01/2004	Nữ	11C13	030	
310	110310	Võ Thị Quỳnh	17/03/2004	Nữ	11C03	030	
311	110311	Nguyễn Huy Quý	03/10/2003	Nam	11C03	030	
312	110312	Nguyễn Tấn Quý	27/03/2004	Nam	11C02	030	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
313	110313	H Ren Mlô	23/09/2004	Nữ	11C05	030	
314	110314	Nguyễn Vũ Sang	16/03/2004	Nam	11C05	030	
315	110315	Nguyễn Thị Sen	20/02/2004	Nữ	11C02	030	
316	110316	Đặng Thị Son	05/01/2004	Nữ	11C13	030	
317	110317	Đặng Hồng Sơn	27/04/2004	Nam	11C05	030	
318	110318	Lê Đình Sơn	08/11/2004	Nam	11C13	030	
319	110319	Mông Đức Sơn	15/08/2004	Nam	11C13	030	
320	110320	Nguyễn Thành Sơn	12/07/2004	Nam	11C08	030	
321	110321	Nguyễn Văn Sơn	27/02/2003	Nam	11C14	030	
322	110322	H Suin Niê	22/05/2004	Nữ	11C14	031	
323	110323	H Sương Mlô	26/10/2004	Nữ	11C12	031	
324	110324	Trần Cao Tài	20/10/2003	Nam	11C13	031	
325	110325	Hoàng Thị Thanh Tâm	27/02/2004	Nữ	11C02	031	
326	110326	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	15/08/2004	Nữ	11C03	031	
327	110327	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	11/12/2004	Nữ	11C12	031	
328	110328	Phạm Văn Tân	06/04/2003	Nam	11C06	031	
329	110329	Phan Thị Tần	26/12/2004	Nữ	11C03	031	
330	110330	Dương Thanh Thanh	18/11/2004	Nữ	11C06	031	
331	110331	Vũ Đức Thanh	06/08/2004	Nam	11C07	031	
332	110332	Lý Nam Thao	28/12/2004	Nam	11C10	031	
333	110333	Lý Văn Thành	21/05/2004	Nam	11C11	031	
334	110334	Tạ Quang Thái	14/12/2004	Nam	11C09	031	
335	110335	Đào Thị Thanh Thảo	10/01/2004	Nữ	11C01	031	
336	110336	Hồ Thị Thu Thảo	23/04/2004	Nữ	11C06	031	
337	110337	Lê Thị Dạ Thảo	12/04/2004	Nữ	11C05	031	
338	110338	Lê Thị Thanh Thảo	09/04/2004	Nữ	11C05	031	
339	110339	Lương Thị Thảo	08/08/2004	Nữ	11C02	031	
340	110340	Nguyễn Thị Thảo	07/03/2004	Nữ	11C12	031	
341	110341	Nguyễn Thị Thảo	04/08/2004	Nữ	11C02	031	
342	110342	Nguyễn Thị Hiền Thảo	04/05/2004	Nữ	11C08	031	
343	110343	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/01/2004	Nữ	11C08	031	
344	110344	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/11/2004	Nữ	11C11	031	
345	110345	Phạm Thị Thảo	28/05/2004	Nữ	11C11	031	
346	110346	Trần Phương Thảo	16/02/2004	Nữ	11C12	031	
347	110347	Trần Duy Thạc	16/03/2004	Nam	11C09	031	
348	110348	Nguyễn Đức Thắng	14/08/2004	Nam	11C09	031	
349	110349	Vũ Công Thắng	15/11/2004	Nam	11C02	031	
350	110350	Hồ Phi Thân	29/04/2004	Nam	11C06	031	
351	110351	Phan Văn Thiêm	27/10/2003	Nam	11C14	031	
352	110352	Phạm Tôn Thiên	15/03/2004	Nam	11C07	031	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
353	110353	Trần Ngọc Thiên	27/03/2004	Nam	11C09	031	
354	110354	Đinh Phước Thiện	13/10/2004	Nam	11C10	031	
355	110355	Nguyễn Đình Thịnh	10/07/2003	Nam	11C09	031	
356	110356	Trần Quốc Thịnh	27/06/2004	Nam	11C03	031	
357	110357	Vũ Đức Thịnh	27/08/2004	Nam	11C04	034	
358	110358	Vũ Thủy Thoa	04/01/2004	Nữ	11C03	034	
359	110359	Thi Tất Thống	03/01/2004	Nam	11C04	034	
360	110360	Nông Thị Thu	17/02/2004	Nữ	11C14	034	
361	110361	Thi Thị Thu	27/10/2004	Nữ	11C06	034	
362	110362	Lê Văn Thuần	25/08/2004	Nam	11C11	034	
363	110363	H Thuy Byă	08/04/2004	Nữ	11C03	034	
364	110364	Lê Thị Thùy	21/01/2003	Nữ	11C10	034	
365	110365	Đặng Thị Bích Thủy	22/02/2004	Nữ	11C09	034	
366	110366	Nguyễn Thị Thủy	14/05/2004	Nữ	11C11	034	
367	110367	Nguyễn Thu Thủy	24/05/2004	Nữ	11C13	034	
368	110368	Hoàng Xuân Thụ	18/06/2003	Nam	11C10	034	
369	110369	Nguyễn Thị Huyền Thư	30/03/2004	Nữ	11C14	034	
370	110370	Đặng Xuân Thương	20/09/2003	Nam	11C04	034	
371	110371	Nguyễn Thảo Thương	24/05/2004	Nam	11C02	034	
372	110372	Phạm Thị Thực	10/04/2004	Nữ	11C04	034	
373	110373	Trần Quang Tiến	10/12/2004	Nam	11C12	034	
374	110374	Đặng Thị Kim Tiết	29/08/2004	Nữ	11C05	034	
375	110375	Phạm Hữu Tình	16/08/2004	Nam	11C06	034	
376	110376	Phan Bá Toàn	11/12/2004	Nam	11C11	034	
377	110377	Trần Văn Toàn	04/08/2004	Nam	11C10	034	
378	110378	Vũ Đức Toản	17/08/2004	Nam	11C09	034	
379	110379	Đào Ngọc Huyền Trang	30/09/2004	Nữ	11C14	034	
380	110380	Đỗ Thị Huyền Trang	19/05/2004	Nữ	11C09	034	
381	110381	Hoàng Thị Huyền Trang	23/01/2004	Nữ	11C06	034	
382	110382	Lê Thị Huyền Trang	20/02/2004	Nữ	11C05	034	
383	110383	Lê Thị Thu Trang	23/12/2004	Nữ	11C12	034	
384	110384	Mai Huyền Trang	29/07/2004	Nữ	11C06	034	
385	110385	Ngô Lê Huyền Trang	23/11/2004	Nữ	11C08	034	
386	110386	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/04/2004	Nữ	11C13	034	
387	110387	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/10/2004	Nữ	11C09	034	
388	110388	Nông Thị Huyền Trang	29/01/2004	Nữ	11C12	034	
389	110389	Phạm Thị Thùy Trang	24/10/2004	Nữ	11C04	034	
390	110390	Tạ Thị Đoan Trang	28/02/2004	Nữ	11C07	034	
391	110391	Trần Hà Trang	29/01/2004	Nữ	11C14	034	
392	110392	Trần Lê Huyền Trang	23/11/2004	Nữ	11C01	037	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
393	110393	Trần Thị Thùy Trang	10/04/2004	Nữ	11C14	037	
394	110394	Trịnh Thị Thùy Trang	25/03/2004	Nữ	11C04	037	
395	110395	Bùi Lăng Ngọc Trâm	31/05/2004	Nữ	11C11	037	
396	110396	H Trâm Niê	03/09/2004	Nữ	11C03	037	
397	110397	Đặng Bảo Trân	17/07/2004	Nữ	11C06	037	
398	110398	Nguyễn Hà Bảo Trân	08/08/2004	Nữ	11C08	037	
399	110399	Đặng Thị Thu Trinh	26/03/2004	Nữ	11C06	037	
400	110400	Nguyễn Hoàng Mai Trinh	20/10/2004	Nữ	11C07	037	
401	110401	Nguyễn Phương Trinh	31/03/2004	Nữ	11C14	037	
402	110402	Trần Thị Út Trinh	15/07/2004	Nữ	11C06	037	
403	110403	Nguyễn Hoàng Trung	14/06/2004	Nam	11C04	037	
404	110404	Nguyễn Phan Nhật Truyền	26/03/2004	Nam	11C07	037	
405	110405	Nguyễn Thị Trúc	28/01/2004	Nữ	11C08	037	
406	110406	Nguyễn Thị Như Trúc	24/10/2004	Nữ	11C10	037	
407	110407	Trần Thị Thanh Trúc	08/04/2004	Nữ	11C14	037	
408	110408	Nguyễn Quang Trường	04/01/2004	Nam	11C07	037	
409	110409	Nguyễn Trọng Trường	03/01/2004	Nam	11C07	037	
410	110410	Trần Văn Trường	05/10/2004	Nam	11C13	037	
411	110411	Dương Văn Tuấn	22/01/2004	Nam	11C11	037	
412	110412	Đào Văn Tuấn	15/06/2004	Nam	11C11	037	
413	110413	Huỳnh Ngọc Tuấn	19/09/2004	Nam	11C04	037	
414	110414	Lê Đức Tuấn	09/05/2004	Nam	11C07	037	
415	110415	Lê Mạnh Tuấn	05/12/2003	Nam	11C14	037	
416	110416	Châu Ngọc Ánh Tuyết	13/02/2004	Nữ	11C06	037	
417	110417	Hoàng Thị Ánh Tuyết	05/10/2004	Nữ	11C05	037	
418	110418	Nguyễn Thiên Tùng	23/02/2004	Nam	11C05	037	
419	110419	Nông Trịnh Việt Tùng	12/03/2004	Nam	11C12	037	
420	110420	Phạm Thanh Tùng	21/04/2003	Nam	11C10	037	
421	110421	Đào Minh Tú	14/09/2004	Nam	11C12	037	
422	110422	Huỳnh Ngọc Tú	19/09/2004	Nam	11C04	037	
423	110423	Trịnh Thị Cát Tường	03/08/2004	Nữ	11C02	037	
424	110424	Đào Thị Tố Uyên	10/05/2004	Nữ	11C11	037	
425	110425	Hồ Phúc Vi Uyên	10/03/2004	Nữ	11C08	037	
426	110426	Nguyễn Phương Uyên	25/08/2004	Nữ	11C09	037	
427	110427	Nguyễn Phương Uyên	04/01/2004	Nữ	11C08	038	
428	110428	H Uyên Niê	05/02/2004	Nữ	11C03	038	
429	110429	Phạm Thị Thu Uyên	25/05/2004	Nữ	11C12	038	
430	110430	Trần Thị Phương Uyên	17/09/2004	Nữ	11C06	038	
431	110431	Nguyễn Cẩm Vân	12/01/2004	Nữ	11C07	038	
432	110432	Nguyễn Hồng Vân	10/02/2004	Nữ	11C07	038	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Phòng	Ghi chú
433	110433	Nguyễn Thị Hồng Vân	04/10/2004	Nữ	11C07	038	
434	110434	Nguyễn Thị Hồng Vân	01/01/2004	Nữ	11C08	038	
435	110435	Nguyễn Thị Khánh Vân	25/03/2004	Nữ	11C05	038	
436	110436	Phạm Thị Hải Vân	26/02/2004	Nữ	11C08	038	
437	110437	Phạm Thị Thúy Vân	27/07/2004	Nữ	11C14	038	
438	110438	Nguyễn Hồng Vi	23/02/2004	Nữ	11C06	038	
439	110439	Nguyễn Thảo Vi	24/02/2004	Nữ	11C07	038	
440	110440	Bùi Quang Vinh	10/04/2004	Nam	11C08	038	
441	110441	Lê Đức Vinh	19/06/2004	Nam	11C13	038	
442	110442	Lương Thế Vinh	23/03/2004	Nam	11C10	038	
443	110443	Nguyễn Anh Vũ	27/07/2004	Nam	11C06	038	
444	110444	Nguyễn Bá Vũ	19/11/2004	Nam	11C07	038	
445	110445	Phạm Văn Đoàn Vũ	07/07/2004	Nam	11C11	038	
446	110446	Trần Bá Vũ	12/02/2004	Nam	11C12	038	
447	110447	Bùi Thái Vy	10/04/2004	Nữ	11C03	038	
448	110448	Bùi Thị Thảo Vy	18/02/2004	Nữ	11C14	038	
449	110449	Hàng Khánh Vy	06/06/2004	Nữ	11C01	038	
450	110450	Lê Thị Thùy Vy	24/11/2004	Nữ	11C02	038	
451	110451	Nguyễn Thị Vy	23/07/2004	Nữ	11C10	038	
452	110452	Phan Thị Tường Vy	05/05/2004	Nữ	11C06	038	
453	110453	Trần Nguyễn Thảo Vy	22/12/2004	Nữ	11C01	038	
454	110454	Trần Thị Tường Vỹ	05/06/2004	Nữ	11C11	038	
455	110455	Ung Nho Vỹ	27/02/2004	Nam	11C01	038	
456	110456	Huỳnh Thị Ngọc Xuân	12/03/2004	Nữ	11C09	038	
457	110457	Nguyễn Thị Xuân	03/01/2004	Nữ	11C13	038	
458	110458	Nguyễn Thị Xuân	01/04/2004	Nữ	11C05	038	
459	110459	Hoàng Dương Kim Yến	25/06/2004	Nữ	11C13	038	
460	110460	Nguyễn Thị Như Ý	03/12/2004	Nữ	11C11	038	
461	110461	Nguyễn Tố Như Ý	07/09/2004	Nữ	11C04	038	

Danh sách này có 461 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG